|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  **TRƯỜNG THPT TAM PHÚ**  **TỔ CHUYÊN MÔN: SỬ- GDKTPL** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
|  | *Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29**tháng 11 năm 2024* |

**NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI KỲ I**

**MÔN HỌC: GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT – KHỐI 11**

**Năm học 2024 – 2025**

**BÀI 3. THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG**

**1. Khái niệm lao động.**

Lao động là hoạt động có mục đích, có ý thức của con người nhằm tạo ra các sản phẩm phục vụ cho nhu cầu của đời sống.

**2. Khái niệm thị trường lao động.**

Thị trường lao động là nơi diễn ra các quan hệ thoả thuận giữa người sử dụng lao động và người lao động về tiền lương, điều kiện làm việc trên cơ sở hợp đồng lao động.

**3. Xu hướng tuyển dụng lao động của thị trường.**

- Lao động trong nông nghiệp giảm; lao động trong công nghiệp và dịch vụ tăng.

- Lao động được đào tạo ngày một tăng và chiếm ưu thế so với lao động chưa qua đào tạo trong tổng lao động xã hội.

- Tốc độ tăng lao động trong khu vực dịch vụ tăng nhanh hơn tốc độ tăng lao động trong các khu vực sản xuất vật chất.

**BÀI 4. THỊ TRƯỜNG VIỆC LÀM**

**1. Khái niệm việc làm.**

Việc làm là hoạt động lao động tạo ra thu nhập mà pháp luật không cấm.

**2. Khái niệm thị trường việc làm.**

Thị trường việc làm là nơi thực hiện các quan hệ thỏa thuận giữa người tạo việc làm (người sử dụng lao động) và người có khả năng đáp ứng yêu cầu của việc làm (người lao động) về việc làm, tiền lương và các điều kiện làm việc trên cơ sở hợp đồng lao động.

**3. Mối quan hệ giữa thị trường lao động và thị trường việc làm.**

Thị trường việc làm và thị trường lao động có mối quan hệ tác động qua lại chặt chẽ với nhau. Khi khả năng cung ứng lao động lớn hơn khả năng tạo việc làm sẽ dẫn đến tinh trạng thất nghiệp gia tăng và ngược lại khi khả năng tạo việc làm lớn hơn khả năng cung ứng lao động sẽ dẫn đến tới tình trạng thiếu hụt lao động.

**BÀI 5. THẤT NGHIỆP**

**1. Khái niệm thất nghiệp**

Thất nghiệp là tình trạng người lao động mong muốn có việc làm nhưng chưa tìm được việc làm.

**2. Các loại hình thất nghiệp và nguyên nhân dẫn đến thất nghiệp**

*a. Nguyên nhân dẫn đến thất nghiệp*

- Nguyên nhân chủ quan: bị đuổi việc do vi phạm kỉ luật, tự thôi việc do không hài lòng với công việc đang có, do thiếu kĩ năng làm việc,...

- Nguyên nhân khách quan: do cơ sở sản xuất kinh doanh đỏng cửa, do sự mất cân đối giữa cung và cầu trên thị trường lao động.

*b. Các loại hình thất nghiệp*

**-**Căn cứ vào nguồn gốc thất nghiệp, thất nghiệp được chia thành các loại sau:

*+ Thất nghiệp tạm thời:* là tình trạng thất nghiệp xuất hiện khi người lao động thay đổi công việc hoặc chỗ ở,... chưa xin được việc làm mới nên tạm thời thất nghiệp.

*+ Thất nghiệp cơ cấu:* Là tình trạng thất nghiệp xuất hiện do có sự mất cân đối giữa cung và cầu lao động, sự dịch chuyển cơ cấu giữa các ngành trong nền kinh tế hoặc sự thay đổi phương thức sản xuất trong một ngành.

*+ Thất nghiệp chu kì:* Là tình trạng thất nghiệp xuất hiện do tính chu kì của nền kinh tế khi nền kinh tế bị suy thoái hoặc khủng hoảng dẫn đến mức cầu chung về lao động giảm.

- Căn cứ vào đặc trưng của người thất nghiệp, còn có các loại hình: thất nghiệp theo giới tính; thất nghiệp theo lứa tuổi; thất nghiệp theo vùng, lãnh thổ và thất nghiệp theo ngành nghề….;

- Căn cứ vào tính chất thất nghiệp, còn có các loại hình như: thất nghiệp tự nguyện; thất nghiệp không tự nguyện; thất nghiệp thời vụ và thất nghiệp trá hình...

**3. Hậu quả của thất nghiệp.**

- Thất nghiệp làm người lao động không có thu nhập, đời sống của người lao động và gia đình gặp khó khăn.

- Thất nghiệp cao làm cho sản lượng của nền kinh tế ở dưới mức tiềm năng, sức mua của nền kinh tế giảm sút các doanh nghiệp bị giảm lợi nhuận.

- Thất nghiệp gây lãng phí lao động xã hội làm giảm sản lượng của nền kinh tế dẫn đến suy thoái kinh tế.

- Thất nghiệp là một trong các nguyên nhân cơ bản làm xuất hiện các tệ nạn xã hội.

**4. Vai trò của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiềm chế thất nghiệp.**

Trong nền kinh tế thị trường. Nhà nước có vai trò quan trọng trong việc kiểm soát và kiềm chế thất nghiệp thông qua việc ban hành các chính sách thu hút đầu tư, mở rộng sản xuất, tạo việc làm. phát triển hệ thống dạy nghề, dịch vụ việc làm bảo hiểm thất nghiệp, xuất khẩu lao động.

Học sinh cần học tập rèn luyện, tự hoàn thiện bản thân để đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động, việc làm; thực hiện đúng và tuyên truyền, vận động những người xung quanh ủng hộ chấp hành; đồng thời biết phê phán những hành vi vi phạm chủ trương, chính sách của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiềm chế thất nghiệp.

**5. Bài tập vận dụng:** Thực hiện bài tập tình huống, thông tin, trường hợp trong sách giáo khoa.

**BÀI 6. LẠM PHÁT**

**1. Khái niệm lạm phát và các loại hình lạm phát**

Lạm phát là tình trạng mức giá chung của nền kinh tế tăng lên trong một khoảng thời gian nhất định.

*Căn cứ vào tỉ lệ lạm phát, có thể phân chia lạm phát thành 3 loại:*

- Lạm phát vừa phải (0% < tỉ lệ lạm phát < 10%): Giá trị đồng tiền khá ổn định. Đây là mức lạm phát bình thường, không gây hậu quả đáng kể tới nền kinh tế.

Lạm phát phi mã (10% < tỉ lệ lạm phát < 1000%): Đồng tiên mất giá nhanh chóng. Mức lạm phát này gây ảnh hương xấu tới hoạt dộng của nền kinh tế.

Siêu lạm phát (tỉ lệ lạm phát > 1000%). Đồng tiền mất giá nghiêm trọng. Mức lạm phát này gây ảnh hướng trầm trọng đến nền kinh tế.

**2. Nguyên nhân dẫn đến lạm phát**

*Những nguyên nhân dẫn đến lạm phát là:*

- Chi phí sản xuất tăng (giá nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, nhân công, thuế,... tăng) làm cho mức sản lượng giảm và mức giá chung của nền kinh tế tăng lên.

- Lượng tiền trong lưu thông tăng vượt quá mức cần thiết (ngân sách thâm hụt, Chính phủ tăng cường việc phát hành tiền giấy,... ) làm cho mức giá chung của nền kinh tế tăng lên.

- Tổng cầu của nền kinh tế tăng (người dân tăng chi tiêu, doanh nghiệp tăng đầu tư, Chính phủ tăng chỉ tiêu mua hàng hóa và dịch vụ,...) làm cho mức sản lượng và mức giá chung của nền kinh tế tăng lên.

*Hậu quả của lạm phát:*

- Lạm phát làm thay đổi giá cả tương đối giữa các loại hàng hóa, từ đó làm thay đổi sản lượng, việc làm, cơ cấu kinh tế.

- Lạm phát làm cho việc phân phối và phân phối lại tài sản, thu nhập giữa các tầng lớp dân cư không hợp lí, như: làm giảm thu nhập thực tế của người lao động; gia tăng tình trạng phân hoá giàu - nghèo,....

**3. Vai trò của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiềm chế lạm phát**

Trong nền kinh tế thị trường, Nhà nước có vai trò hết sức quan trọng trong việc ban hành và triển khai hiện có hiệu quả các chính sách, pháp luật nhằm kiềm chế và kiểm soát lạm phát:

- Giảm mức cung tiền, cắt giảm chi tiêu ngân sách, tăng thuê, kiểm soát có hiệu quả việc tăng giá

- Đẩy mạnh thu hút vốn đầu tư, giảm thuế, cải tiến kĩ thuật, tăng năng suất.

Công dân có trách nhiệm chấp hành và ủng hộ những hành vi chấp hành, tuân thủ chủ trương, chính sách của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiềm chế lạm phát. Đồng thời, vi phạm những hành vi vi phạm chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiềm chế lạm phát.

**BÀI 7. Ý TƯỞNG, CƠ HỘI KINH DOANH VÀ**

**CÁC NĂNG LỰC CẦN THIẾT CỦA NGƯỜI KINH DOANH**

**1. Ý tưởng kinh doanh**

*a. Ý tưởng kinh doanh và sự cần thiết của ý tưởng kinh doanh..*

Ý tưởng kinh doanh là điểm xuất phát của quá trình sản xuất kinh doanh, thể hiện sự sáng tạo của cá nhân hoặc tổ chức trong việc lựa chọn loại sản phẩm, dịch vụ cung cấp cho thị trường nhằm thu được lợi nhuận.

Để có một ý tương kinh doanh tốt. các chủ thể sản xuất kinh doanh cần phải quan tâm đến tính vượt trội; tính mới mẻ độc đáo; tính hữu dụng; tính khả thi và lợi thế cạnh tranh của sản phẩm, dịch vụ. Có hai dạng ý tương kinh doanh là ý tưởng cải tiến kinh doanh và ý tưởng kinh doanh mới.

*b. Các nguồn giúp tạo ý tưởng kinh doanh.*

- Lợi thế nội tại, bao gồm: sự đam mê; hiểu biết, khả năng huy động các nguồn lực (tài chính, kết nối với khách hàng, nhà cung cấp đầu vào, nhà tài trợ,...).

- Cơ hội bên ngoài, bao gồm: nhu cầu sản phẩm trên thị trường; nguồn cung ứng; sự cạnh tranh; vị trí triển khai; chính sách vĩ mô của Nhà nước….

**2. Khái niệm cơ hội kinh doanh**

Cơ hội kinh doanh là tập hợp các hoàn cảnh thuận lợi tạo ra nhu cầu đối với sản phẩm, dịch vụ của một nhóm khách hàng dẫn đến xuất hiện cơ hội thoả mãn nhu cầu này, qua đó thực hiện được mục tiêu kinh doanh (thu lợi nhuận).

Một cơ hội kinh doanh tốt cần phải có tính hấp dẫn ổn định, đúng thời điểm, khả năng duy trì sản phẩm dịch vụ và tạo ra giá trị cho người tiêu dùng.

**3. Tầm quan trọng của việc xây dựng ý tưởng kinh doanh và xác định, đánh giá các cơ hội kinh doanh**

Xây dựng ý tưởng và xác định, đánh giá cơ hội kinh doanh có vai trò quan trọng trong quá trình sản xuất kinh doanh. Người kinh doanh biết xây dựng ý tưởng và đánh giá đúng cơ hội kinh doanh thì có thể tạo ra các sản phẩm dịch vụ đem lại giá trị cho người mua và đạt được mục tiêu lợi nhuận.

Nếu xây dựng ý tưởng không tốt và đánh giá không đúng cơ hội kinh doanh thì hiệu quả thu được không cao thậm chí có thể khiến các chủ thể sản xuất kinh doanh thất bại.

**4. Các năng lực cần thiết của người kinh doanh ý kinh doanh**

- Năng lực lãnh đạo: định hướng chiến lược, năng động, sáng tạo, nắm bắt cơ hội kinh doanh.

- Năng lực quản lí: tổ chức, thiết lập các mối quan hệ trong kinh doanh,...

- Năng lực chuyên môn: cỏ kiến thức về chuyên môn ngành đang kinh doanh.

- Năng lực học tập, tích luỹ kiến thức, rèn luyện kĩ năng,...

**BÀI 8. ĐẠO ĐỨC KINH DOANH**

**1. Quan niệm và vai trò của đạo đức kinh doanh.**

Đạo đức kinh doanh là tập hợp các nguyên tắc, chuẩn mực có tác dụng điều chỉnh, đánh giá, định hướng hành vi của các chủ thể sản xuất kinh doanh.

Thực hiện đạo đức trong kinh doanh góp phần điều chỉnh hành vi của các chủ thể kinh doanh: xây dựng lòng tin và uy tín với khách hàng; đẩy mạnh hợp tác và đầu tư. tạo ra lợi nhuận cho các chủ thể sản xuất kinh doanh, thúc đẩy sự vững mạnh của nền kinh tế quốc gia.

**2. Các biểu hiện của đạo đức kinh doanh.**

- Chủ thể sản xuất kinh doanh phải giữ chữ tín, tôn trọng và bảo vệ lợi ích của khách hàng: thực hiện đúng nghĩa vụ và cam kết với khách hàng; trung thực, trách nhiệm trong kinh doanh; không sản xuất kinh doanh hàng giả, kém chất lượng, độc hại cho sức khoẻ người tiêu dùng; không quảng cáo cường điệu, sai sự thật, vi phạm quyền sở hữu trí tuệ, nhãn mác và xuất xứ hàng hoá.

- Chủ thể sản xuất kinh doanh phải tôn trọng, đảm bảo lợi ích chính đáng của người lao động (tiền lương, điều kiện lao động, bảo hiểm, chế độ chính sách,...) theo đúng cam kết; đổi xử bình đẳng, công bằng với nhân viên.

Chủ thể sản xuất kinh doanh tích cực thực hiện trách nhiệm xã hội; tuân thủ các quy định của pháp luật, không trốn thuế, lậu thuế, sản xuất kinh doanh những mặt hàng quốc cấm; không làm ô nhiễm môi trường tự nhiên và môi trường xã hội.

Các chủ thể sản xuất kinh doanh vừa hợp tác vừa cạnh tranh lành mạnh, không thông đồng bán hạ giá, phá giá nhằm triệt hạ đối thủ; không đánh cấp bí mật thương mại của đối thủ,...

**3. Bài tập vận dụng:** Thực hiện bài tập tình huống, thông tin, trường hợp trong sách giáo khoa.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Niêm yết;  - PHT (Mai).  - GVBM; GVCN; HS  - Lưu: VT | **TM. TỔ CHUYÊN MÔN**  **TỔ PHÓ CHUYÊN MÔN**  **(Đã ký)** |
|  | **Đồng Ngọc Tâm** |